TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày: 25 - 5 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Mau và bà Cù Thị Như Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 7, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Kim Ch và 02 con; nhân thân: Ngày 26/3/2021, tại bản án số 19/2021/HS-ST bị Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; bị bắt tạm giam ngày 12/10/2020; đang tạm giam; có mặt.

Bị hại: Anh Hồ Kim Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Phi T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ nên Trần Văn T có ý định thuê xe ô tô rồi đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Vào trưa ngày 14/6/2020, T đi ngang khu vực Ngã ba Sùng Đức thuộc tổ dân phố 3, phường Nghĩa Tân, thấy bên phải đường có gắn bảng *"Cho*

thuê xe ô tô tự lái". T gọi vào số điện thoại ghi trên bảng để hỏi thuê xe thì gặp anh Hồ Kim Q. Khoảng 15h cùng ngày, anh Q và T gặp nhau tại quán cà phê 7879 *(bên cạnh nhà anh Q)*. Tại đây, T nói dối muốn thuê xe 05 ngày để chở khách, rồi Tùng đưa cho anh Q xem các giấy tờ tùy thân và giấy phép lái xe của mình. Do tin tưởng nên anh Q đồng ý cho T thuê xe ô tô hiệu Kia Morning BKS 76A - 066.21 với giá 600.000đ/1 ngày, thời hạn thuê là 05 ngày. Đến 15h 20' cùng ngày, anh Q giao cho T xe ô tô, 01 bản sao giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự; Tùng giao cho anh Q 01 bản sao sổ hộ khẩu của mình. Do tin tưởng và thấy T làm giáo viên, nên anh Q không lập hợp đồng thuê xe với T.

Ngay sau khi thuê được xe, T một mình điều khiển xe đến tổ dân phố 8, thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'Lấp cầm cố cho anh Nguyễn Phi T với số tiền 70.000.000đ. Để hợp thức hóa việc cầm cố này, anh T yêu cầu Tùng lập giấy vay tiền thể hiện *"Ngày 14/6/2020 Tùng vay của Tiến số tiền 70.000.000đ và để lại 1 xe ô tô Kia Morning, hẹn ngày 24/6/2020 T sẽ trả lại tiền"*. Do trước đó T đã nợ anh T 24.000.000đ, nên anh T chỉ đưa cho T tiền cầm xe là 46.000.000đ.

Sau khi nhận tiền từ anh T, T sử dụng 40.000.000đ để trả nợ, sử dụng 6.000.000đ để chi tiêu cá nhân. Khi đến thời hạn, do không có xe để trả lại cho anh Q như đã thỏa thuận nên T bịa ra nhiều lý do để che giấu việc mình đã cầm cố xe. Thấy anh Q liên tục đòi xe, ngày 15/7/2020 T chuyển cho anh Q 8.000.000đ tiền thuê xe vào tài khoản của anh Q. Do nghi ngờ nên ngày 19/10/2020 anh Q trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa. Ngày 21/12/2020, vợ Tùng là chị Nguyễn Thị Kim Ch đã chuộc lại chiếc xe ô tô từ anh T và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐG ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự thành phố Gia Nghĩa kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning màu bạc, BKS 76A-066.21 trị giá 294.000.000đ.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật***:* 01 xe ô tô BKS 76A-066.21.

Cáo trạng số 20/CT-VKS-GN ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình, xử phạt Trần Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 18/2021/HS-ST, ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện

Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Đề nghị chấp nhận ngày 08/3/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa ra quyết định xử lý vật chứng số 10/QĐ-CQĐT-ĐTTH trả lại 01 xe ô tô cho anh Hồ Kim Q là chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ Trần Văn T nảy sinh ý định thuê xe ô tô rồi mang đi cầm cố. Ngày 14/6/2020, Trần Văn T biết anh Hồ Kim Q cho thuê xe tự lái, T đã hỏi thuê sau đó đem đi cầm cố cho anh Nguyễn Phi T lấy số tiền 70.000.000đ. Tài sản Trần Văn T chiếm đoạt có giá trị là 294.000.00 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000đ đến dưới 500.000.000đ.

...

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được hành vi xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi mà cố tình thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Nên xử phạt mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi

của bị cáo thì mới có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại chiếc xe chiếm đoạt cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản gì nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ngày 08/3/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa ra quyết định xử lý vật chứng số 10/QĐ-CQĐT-ĐTTH trả lại 01 xe ô tô cho chủ sở hữu hợp pháp anh Hồ Kim Q là đúng, cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[8] Đối với hành vi cầm cố xe của Nguyễn Phi T, do T không biết chiếc xe do T phạm tội mà có nên không xử lý.

[9] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";*

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 năm tù. Tổng hợp hình phạt 05 năm 06 tháng tù của bản án số 19/2021/HS-ST ngày 26/3/2021, của Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung 13 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/10/2020.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận ngày 08/3/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa ra quyết định xử lý vật chứng số 10/QĐ-CQĐT-ĐTTH trả lại 01 xe ô tô cho chủ sở hữu hợp pháp anh Hồ Kim Q.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
Đã ký